

Số: 29/CT-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2017

VAN PHÒNG U...	
Số: 328	Ngày: 07/07/17
ĐẾN	HÒA TỐ
Chuyên:	

CHỈ THỊ**Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018**

Năm 2018 là năm bản lề, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế nước ta sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức, chịu ảnh hưởng do diễn biến phức tạp của tình hình chính trị thế giới và khu vực; sự phục hồi chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro của kinh tế thế giới, nhất là chủ nghĩa bảo hộ, chống tự do hóa thương mại có xu hướng phát triển ở nhiều nơi; các cân đối vĩ mô duy trì ổn định nhưng chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế yếu và tốc độ tăng trưởng một số ngành thấp hơn kỳ vọng, đã và đang là những thách thức đối với nền kinh tế nước ta.

Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (sau đây gọi tắt là các bộ, ngành trung ương và địa phương) tập trung chỉ đạo xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 với các yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung chủ yếu sau:

A. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

1. Đánh giá sát thực, đúng thực chất tình hình triển khai Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ và tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội; dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2017; phân tích, đánh giá những kết quả về ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tái cơ cấu kinh tế, thực hiện các đột phá lớn, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp; các lĩnh vực khoa học, giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh,... và có những giải pháp phục hồi sản xuất thúc đẩy tăng trưởng, ổn định đời sống nhân dân.

2. Dự báo kịp thời, sát tình hình thế giới và trong nước, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển để có giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực có thể xảy ra.

3. Trên cơ sở kết quả đã đạt được và dự báo tình hình trong nước và thế giới, căn cứ vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020, các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã được Quốc hội thông qua, các điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực, địa phương, các bộ, ngành trung ương và địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

4. Việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; các chương trình hành động của Chính phủ¹ thực hiện Nghị quyết của Đảng, của Quốc hội và các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương 5 khóa XII².

5. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 phải được triển khai đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị.

6. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả; tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế một cách đồng bộ, toàn diện, nhất là các ngành và lĩnh vực trọng tâm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với chú trọng cải thiện nền tảng cho tăng trưởng chất lượng, hiệu quả và sáng tạo, nâng cao năng suất lao động và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm

¹ Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016-2021; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2021; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

² Gồm: Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 11-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 12-NQ/TW về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Phát triển giáo dục - đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, công chức, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, đưa quan hệ với các đối tác lớn đi vào chiều sâu, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, góp phần huy động nguồn lực và duy trì môi trường hòa bình, an ninh để phục vụ cho phát triển và nâng cao vị thế đối ngoại của Việt Nam trên trường quốc tế.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành kinh tế vĩ mô: Tiếp tục thực hiện đồng bộ, linh hoạt các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm bảo đảm ổn định các cân đối vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt. Điều hành lãi suất, tỷ giá phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ. Điều hành tín dụng theo hướng nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vốn vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn liền với xử lý nợ xấu, lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng lực quản trị của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế; tăng cường đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giám sát ngân hàng.

Thực hiện chính sách tài khóa chủ động, chặt chẽ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách; kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, an toàn nợ công. Giữ cơ cấu hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công, đồng thời tạo cơ chế thuận lợi để các đơn vị sự nghiệp công lập sớm tự chủ về mặt tài chính³.

2. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 khoảng 6,4% - 6,8%. Các địa phương căn cứ số liệu tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2017 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) công bố, đồng thời căn cứ vào điều kiện thực tế ở địa phương ước thực hiện cả năm và dự báo triển vọng phát triển để xác định chỉ tiêu GRDP năm 2018 cho phù hợp.

3. Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020⁴.

4. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và cam kết hội nhập quốc tế sâu rộng. Bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật; khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện các luật, nghị quyết sau khi được Quốc hội thông qua; ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết có hiệu lực trong năm; tổ chức thực hiện tốt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Tập trung nguồn lực xây dựng các công trình lớn, quan trọng, thiết yếu, nhất là tại các khu vực có tiềm năng phát triển và giải quyết các ách tắc, quá tải. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đường sắt đô thị, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, tập trung ưu tiên cho đường bộ cao tốc Bắc - Nam, dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành, đường thủy nội địa và đường ven biển,...

³ Theo lộ trình quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

⁴ Trong đó, tập trung thực hiện 5 nhiệm vụ trọng tâm trong tái cơ cấu lại nền kinh tế gồm: (i) tập trung hoàn thành cơ cấu lại ba trọng tâm gồm cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng; (ii) cơ cấu lại ngân sách nhà nước, khu vực công; (iii) phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thu hút hợp lý đầu tư trực tiếp nước ngoài; (iv) hiện đại hóa công tác quy hoạch, cơ cấu ngành và vùng kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, gắn với đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế; (v) hình thành đồng bộ và phát triển các loại thị trường, gồm thị trường tài chính, thị trường quyền sử dụng đất, thị trường lao động và thị trường khoa học công nghệ.

Khẩn trương hoàn chỉnh việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 làm cơ sở xây dựng kế hoạch hàng năm. Tiến hành rà soát, đánh giá quy hoạch phát triển ngành cấp quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho thời kỳ 2011 - 2020 để làm cơ sở cho việc triển khai lập mới quy hoạch phát triển cho thời kỳ 2021 - 2030 theo các quy định của pháp luật về quy hoạch.

Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

5. Thúc đẩy tăng trưởng các ngành/lĩnh vực gắn với phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu phù hợp, phấn đấu cân bằng thương mại bền vững.

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp: Xây dựng và ban hành kế hoạch, lộ trình cụ thể cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017 - 2020; tập trung triển khai thực hiện, tạo chuyển biến rõ nét cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Nghiên cứu sửa đổi chính sách về đất đai để khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại, đẩy mạnh cơ giới hóa. Hoàn thiện các chính sách nhằm đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, có giải pháp thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông thôn, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp. Triển khai các giải pháp phát triển thị trường, tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho tiêu thụ nông sản; tăng cường gắn kết 4 nhà trong sản xuất nông nghiệp tạo chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; tăng sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế hướng tới một nền nông nghiệp sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm hữu cơ, chất lượng và có giá trị kinh tế cao. Chấn chỉnh công tác cấp phép, cấp chứng nhận đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Xử lý dứt điểm việc sử dụng chất cấm trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Triển khai tích cực Đề án cơ cấu lại các ngành công nghiệp, xây dựng; tiếp tục phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu quốc gia và có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng

các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp được sản xuất ở Việt Nam. Rà soát cơ chế, chính sách tác động đến công nghiệp của từng ngành, sản phẩm. Từng bước tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh, xây dựng hàng rào kỹ thuật đối với sản phẩm nhập khẩu để hỗ trợ sản phẩm trong nước, tăng tỷ lệ nội địa hóa. Tăng cường giám sát đầu tư chuyên ngành, phân đấu hoàn thành đưa vào sản xuất đúng tiến độ góp phần tăng trưởng chung của ngành trong năm 2018.

Thúc đẩy đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, chủ động tham gia và tận dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cao năng suất lao động, phát triển các ngành công nghiệp mới có lợi thế.

Đẩy mạnh cơ cấu lại, phát triển các ngành dịch vụ, ưu tiên phát triển những ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao; khuyến khích đầu tư, phát triển mạnh các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, thể thao,...; nhất là dịch vụ chất lượng cao về đào tạo nguồn nhân lực và y tế, chăm sóc sức khỏe. Ban hành chương trình, kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; triển khai mạnh mẽ Đề án cơ cấu lại ngành du lịch. Có các giải pháp khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch để thu hút mạnh khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.

Phát triển thị trường trong nước, ổn định cung - cầu hàng hoá; tăng cường kiểm soát chất lượng và giá cả các mặt hàng, sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, sức khỏe nhân dân; thắt chặt công tác quản lý thị trường, xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của các nhà sản xuất và người tiêu dùng.

Tập trung phát triển, khai thác cả thị trường truyền thống và thị trường tiềm năng cho các sản phẩm có sức cạnh tranh cao, có giá trị gia tăng cao hoặc các nhóm sản phẩm có tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu lớn. Ưu tiên nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư đầu vào được tạo ra từ công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, hàng hóa trong nước chưa sản xuất được; kiểm soát có hiệu quả việc nhập khẩu hàng hóa xa xỉ, hàng hóa không thiết yếu, hàng hóa trong nước đã sản xuất được.

Phát triển lành mạnh thị trường biên mậu, chuyển dần xuất khẩu tiêu ngạch các mặt hàng nông lâm thủy sản sang hình thức chính ngạch. Kiểm soát và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển bền vững, ổn định; không để xảy ra tình trạng đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, bảo đảm tính công khai, minh bạch của thị trường.

6. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 với mục tiêu là tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa chi phí khởi nghiệp, giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2017 về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết 35/NQ-CP theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nghị quyết số 12-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Hoàn thiện mô hình quản lý, giám sát doanh nghiệp nhà nước và vốn, tài sản của nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Khẩn trương thành lập một cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp.

Đẩy nhanh quá trình cụ thể hóa các chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển để góp phần tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, hướng tới mục tiêu năm 2020 có 1 triệu doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. Tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn đứng đầu các chuỗi giá trị.

Tiếp tục triển khai các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ theo hướng gắn kết chặt chẽ với sự phát triển của ngành/lĩnh vực, đáp ứng các chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về tái cơ cấu nền kinh tế. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học và công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ nguồn, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến.

7. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chú trọng hiệu quả phát triển, hướng tới phát triển kinh tế xanh, bền vững.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường. Xây dựng hệ thống quan trắc, cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường, tập trung cho hệ thống quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường biển miền Trung; tăng cường giám sát, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường công tác quản lý tài nguyên, tập trung bảo vệ môi trường và giảm thiểu phát thải đối với các doanh nghiệp công nghiệp, đặc biệt là các ngành có nguy cơ ô nhiễm môi trường và phát thải cao như sắt thép, xi măng, hóa chất, nhiệt điện.

Triển khai thực hiện Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, trong đó tập trung hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch hành động của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức; ban hành chỉ tiêu và lộ trình thực hiện; củng cố hệ thống theo dõi và đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

Tiếp tục đầu tư một số dự án cấp bách thuộc Chương trình ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Thúc đẩy huy động nguồn lực tư nhân trong triển khai các hoạt động thực hiện xanh hóa nền kinh tế hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình nghị sự 2030.

8. Phát triển hệ thống an sinh xã hội và tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm gắn với thị trường lao động. Ổn định và phát triển thị trường xuất khẩu lao động. Mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội, ưu đãi đối với người có công với cách mạng, các đối tượng yếu thế trong xã hội. Đẩy mạnh việc phát triển nhà ở xã hội, nhà ở giá thấp; tập trung nguồn lực để tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình phát triển nhà ở quốc gia, nhất là các chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, người có công với cách mạng. Tiếp tục nghiên cứu, rà soát tổng thể các chính sách, đề xuất Chính phủ phương thức hỗ trợ theo hướng bảo đảm người dân tiếp cận được dịch vụ xã hội cơ bản bị thiếu hụt, phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước⁵.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; ưu tiên nguồn lực phát triển các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng khó khăn, thường xuyên bị thiên tai.

⁵ Theo Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 số 40/NQ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ.

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, từng bước kiểm soát các bệnh lây nhiễm. Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; trong đó thực hiện giảm quá tải bệnh viện tuyến trên, thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao đạo đức nghề nghiệp. Phát triển y tế ngoài công lập, hình thành các cơ sở khám, chữa bệnh theo hình thức hợp tác công tư và mô hình quản lý bệnh viện như doanh nghiệp công ích. Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình. Gắn việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng cường các biện pháp bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, quản lý môi trường y tế.

9. Phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc đồng thời khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Thực hiện hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác người cao tuổi, người khuyết tật. Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011 - 2020.

Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Tăng cường công tác quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ sở cai nghiện.

10. Cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp. Tăng cường biện pháp triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các định mức, tiêu chuẩn, đặc biệt là trong đầu tư xây dựng. Tập trung thanh tra, kiểm tra các vấn đề được dư luận quan tâm liên quan đến tham nhũng, lãng phí như: đất đai, tài nguyên khoáng sản, các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, đầu tư nước ngoài,... Nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham

những. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, kéo dài để làm rõ và xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân có sai phạm gây thất thoát, thua lỗ lớn đặc biệt là trong các dự án đang được dư luận xã hội quan tâm. Nâng cao hiệu quả của công tác thu hồi tài sản nhà nước trong các vụ án kinh tế lớn.

11. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn chặt với thế trận an ninh nhân dân. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ, không để hình thành, công khai tổ chức chính trị đối lập trong nội địa. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biên, đảo.

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng, an ninh, theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng. Xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại, có chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu cao, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

12. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế.

Tăng cường nắm bắt tình hình, dự báo diễn biến quốc tế, điều chỉnh chính sách của các nước lớn để có đối sách phù hợp. Giữ ổn định và tăng cường thúc đẩy quan hệ với các nước lớn, các nước trong khu vực và các đối tác chủ chốt đi vào chiều sâu, tăng cường gắn kết và đan xen lợi ích kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng. Tổ chức tốt hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ.

Đẩy mạnh ngoại giao đa phương, phát huy vai trò và đóng góp của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương, nhất là ASEAN, Liên hợp quốc, Tiểu vùng Mê Công...; tăng cường kết nối, tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống. Thúc đẩy việc ký kết và phê chuẩn các FTA then chốt, tập trung vào FTA với EU; tiếp tục duy trì thúc đẩy TPP trên cơ sở tham vấn, đồng thuận chung của các thành viên TPP. Đẩy mạnh vận động chính trị, ngoại giao các nước công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam. Nâng cao hiệu quả ngoại giao kinh tế, ưu tiên tìm và mở rộng thị trường cho hàng hóa, dịch vụ và lao động Việt Nam. Tiếp tục thu hút các nguồn vốn, công nghệ cao phục vụ cho phát triển bền vững. Theo dõi sát diễn biến và chủ động đấu tranh kịp thời nhằm bảo vệ chủ quyền, biên giới, lãnh thổ. Tăng cường bảo hộ công dân, công tác người Việt Nam ở nước ngoài, ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại.

13. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, nhất là trong thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, biển, đảo; đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm.

III. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2018

Các bộ, ngành, địa phương triển khai Nghị quyết 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Phấn đấu thu từ nguồn bán bớt phần vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp theo mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 26/2016/QH14 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Chống thất thu thuế, tăng thu ngân sách nhà nước.

Phấn đấu tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước trên GDP năm 2018 khoảng 21%; loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách thì dự toán thu nội địa (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại của các doanh nghiệp nhà nước, thu xổ số kiến thiết) tăng bình quân tối thiểu 12 - 14% so với đánh giá ước thực hiện năm 2017 và dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2017.

2. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018

Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ quan trọng, cấp thiết và khả năng triển khai trong năm 2018. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới khi cân đối được nguồn; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Khi xây dựng dự toán và bố trí ngân sách nhà nước năm 2018, các bộ, ngành trung ương và địa phương cần chú ý các nội dung sau:

a) Chi đầu tư phát triển

- Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ, vốn xổ số kiến thiết, nguồn bán bớt phần vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp) phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện đúng quy định hiện hành⁶ trước khi xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2018; đối với các dự án dự kiến bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 thấp hơn so với quyết định đầu tư phê duyệt, các Bộ ngành, địa phương cần rà soát, phê duyệt quyết định đầu tư điều chỉnh tổng mức đầu tư, xác định điểm dừng kỹ thuật hợp lý hoặc bổ sung nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án phù hợp với quy mô vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho 02 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, các địa phương chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm liên ngành, liên lĩnh vực để thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng trưởng GDP. Chương trình, dự án bố trí kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2018 phải có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ dự án khẩn cấp theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Đối với nguồn vốn đầu tư từ thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước (sau khi trừ chi phí) phát sinh đều phải được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015. Các bộ, ngành trung ương và địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 từ nguồn thu này gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Chi thường xuyên

Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, bảo đảm đủ nhiệm vụ, đúng chính sách, chế độ, theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định

⁶ Bao gồm các quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn; Luật NSNN năm 2015, các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020.

của Thủ tướng Chính phủ⁷; rà soát cắt giảm những khoản chi không thực sự cần thiết; triệt để tiết kiệm, gắn với việc tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, giảm tần suất và thắt chặt các khoản chi lễ hội, khánh tiết,... theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền; mở rộng thực hiện khoán xe ô tô công.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước đối với giá các dịch vụ sự nghiệp công quan trọng như y tế, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo lộ trình tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí, tránh tác động mạnh đến mặt bằng giá cả và lạm phát. Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ, dành nguồn hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách, thực hiện các chương trình, đề án và mục tiêu phát triển ngành, lĩnh vực, thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm, sửa chữa và chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại trong từng lĩnh vực chi thường xuyên, từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

c) Chi cho giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và chi khác

Phân đầu bảo đảm 20% tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo; 2% tổng chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho khoa học và công nghệ.

d) Chi dự trữ quốc gia

Căn cứ Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020, kế hoạch dự trữ quốc gia 5 năm 2016 - 2020, các bộ, ngành trung ương quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch và dự toán chi dự trữ quốc gia để tổng hợp chung vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018 theo quy định của Luật Dự trữ quốc gia trên tinh thần triệt để tiết kiệm, tập trung vào các mặt hàng thiết yếu, chiến lược; ưu tiên các mặt hàng dự trữ quốc gia phục vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và quốc phòng, an ninh.

đ) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu

Các bộ, ngành trung ương và các địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao tại quyết định phê duyệt từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, hướng dẫn bổ sung cơ quan quản lý chương trình, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan chủ chương trình theo quy định.

⁷ Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 ngày 4/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017.

e) Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

Việc lập dự toán kế hoạch đầu tư công vốn ODA và vốn vay ưu đãi cấp phát từ ngân sách trung ương phải bảo đảm phù hợp với tiến độ cam kết theo Hiệp định đã ký với nhà tài trợ nước ngoài, khả năng thực hiện của dự án năm 2018 và trong phạm vi hạn mức quy định tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020. Ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch. Có tính toán dự báo về các hạn mức sau năm 2020 làm cơ sở cho việc chuẩn bị, đàm phán, hoàn thành thủ tục cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi mới.

Đối với mỗi chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi, khi lập dự toán cần phân định rõ loại tài trợ (vốn vay, vốn viện trợ), cơ chế tài chính (cấp phát, cho vay lại), tính chất đầu tư (xây dựng cơ bản, hành chính sự nghiệp) và thẩm quyền lập và giao kế hoạch (đối với các dự án ô).

g) Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương

Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương tiếp tục lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương bao gồm: tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư...; đồng thời, yêu cầu các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có nguồn thu được giao tự chủ phần đầu tăng thu cùng với lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ và sử dụng nguồn thu này ưu tiên để thực hiện cải cách tiền lương.

h) Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

i) Các bộ, ngành trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2017 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2018 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

3. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp năm 2018

Ngoài việc bảo đảm các yêu cầu tại các khoản 1 và 2 Mục III, việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp năm 2018 các bộ, ngành và địa phương còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan tài chính, thuế, hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách. Đồng thời, yêu cầu hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố rà soát, lập dự toán tích cực, sát thực tế phát sinh tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không để phần dư địa để thực hiện giao chỉ tiêu phần đầu thu, lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu của Quốc hội, Chính phủ giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.

b) Dự toán chi ngân sách địa phương

Căn cứ vào nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương được giao năm 2017; trên cơ sở mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của địa phương; thực tế thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2016, ước thực hiện năm 2017, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, bảo đảm ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành; xác định dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho địa phương để thực hiện các chính sách, chế độ của trung ương sau khi đã chủ động sử dụng các nguồn của địa phương (kể cả nguồn cải cách tiền lương còn dư sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu cải cách tiền lương của địa phương theo quy định tại Quyết định 579/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017 - 2020).

c) Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất

Dự toán thu được xây dựng trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất; kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất; đồng thời, lập phương án bố trí chi đầu tư phát triển từ khoản thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

d) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết

Các địa phương dự toán nguồn thu này trong dự toán thu cân đối ngân sách địa phương, sử dụng toàn bộ cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên bố trí đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình phúc lợi xã hội khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

đ) Đối với bội chi/bội thu vay và trả nợ của ngân sách địa phương

Ngân sách cấp tỉnh từng địa phương chỉ được phép bội chi khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn. Thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất, quyết định các khoản vay mới. Đối với các dự án ODA và vay ưu đãi, các địa phương chủ động phối hợp với các bộ, ngành hoàn thiện các thủ tục và ký kết Hiệp định để có đủ cơ sở bố trí kế hoạch giải ngân vốn vay trong dự toán năm 2018 và dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp.

Các địa phương chủ động bố trí nguồn để trả nợ đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay nước ngoài Chính phủ vay về cho vay lại. Đối với các địa phương có mức dư nợ huy động vượt mức giới hạn dư nợ vay, phải dành nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, bảo đảm mức dư nợ vay không vượt quá mức dư nợ vay của địa phương theo quy định.

4. Xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020

Thực hiện Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước

03 năm quốc gia trình Chính phủ, báo cáo Quốc hội; hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

Các bộ, ngành trung ương và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh thực hiện lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Đối với việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020, các bộ, ngành trung ương và địa phương sử dụng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 trình cấp có thẩm quyền để xác định trần chi ngân sách, chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới cho năm 2018 và 02 năm tiếp theo.

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018

Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2018 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các văn bản hướng dẫn thi hành luật, trong đó lưu ý các nguyên tắc:

1. Đối với kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Mục III nêu trên.

2. Đối với kế hoạch đầu tư nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước: Tính toán xác định đủ các khoản thu theo quy định của Luật Đầu tư công.

3. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin qua Hệ thống thông tin đầu tư công quốc gia. Các bộ, ngành và địa phương triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công 2018 thông qua hệ thống tài khoản được phân quyền trên địa chỉ <https://dautucong.mpi.gov.vn>

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung và tiến độ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2018 - 2020 phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

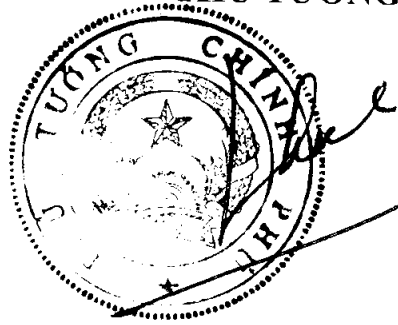
2. Các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cấp chính quyền địa phương hướng dẫn và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2018 - 2020 của cấp mình theo đúng quy định tại Chỉ thị này và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 328

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc